

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-4-2025

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Trí Danh - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 22-11-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-3-2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04-4-2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10-4-2025 ; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Quàng Thị Y, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Đèo Văn T, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Đều cư trú tại: Bản DC, xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị Dũng trình bày:

Chị Quàng Thị Y và anh Đèo Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay cầu giải quyết ly hôn với anh Đèo Văn T.

Về con chung: Chị Quàng Thị Y và anh Đèo Văn T có 02 con chung là cháu Đèo Văn B, sinh ngày 16/10/2010 và cháu Đèo Thanh T, sinh ngày 10/5/2012. Hiện tại hai cháu đang ở với anh Đèo Văn T.

Chị Y đề nghị giao hai cháu Đèo Thanh T và Đèo Văn B cho anh Đèo Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Quàng Thị Y đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đèo Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt nên không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu xin ly hôn của mình. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện nuôi con và ý kiến của con chung tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 10/3/2025 xác định: Chị Quàng Thị Y và anh Đèo Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính quyền địa phương không nắm được.

Về con chung: Chị Quàng Thị Y và anh Đèo Văn T có 02 con chung là cháu Đèo Thanh T, sinh ngày 10/5/2012 và cháu Đèo Văn B, sinh ngày 16/10/2010. Hiện tại hai cháu đang ở với anh Đèo Văn T. Hiện anh Đèo Văn T có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Tại biên bản ghi ý kiến của cháu Đèo Văn B, sinh ngày 16/10/2010 và biên bản ghi ý kiến cháu Đèo Thanh T, sinh ngày 10/5/2012: Cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn ở với anh Đèo Văn T nếu bố mẹ các cháu ly hôn.

Đại diện chính quyền địa phương xác nhận đã giao tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Đèo Văn T biết, tuy nhiên anh T cho rằng không đến Tòa án làm việc vì đã thỏa thuận ly hôn với chị Y.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, quá trình giải quyết vụ án vẫn kiên quyết ly hôn với lý do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn

gia đình không thể hàn gắn được vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ và giao các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Đào Văn T để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa nhiều lần không có lý do chính đáng. Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quàng Thị Y được ly hôn với anh Đào Văn T.

Về con chung: Giao cháu Đào Thanh T, sinh ngày 10/5/2012 và cháu Đào Văn B, sinh ngày 16/10/2010 cho anh Đào Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Quàng Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Quàng Thị Y theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Quàng Thị Y yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Đào Văn T có địa chỉ nơi cư trú tại bản DC, xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La.

Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn chị Quàng Thị Y vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đèo Văn T đã được Tòa án triệu tập tổng đạt hợp lệ lần thứ ba nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị Y và anh Đèo Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc, khi kết hôn các bên đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định. Do đó Chị Y và anh T là vợ chồng hợp pháp. Quá trình hôn nhân vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn với anh Đèo Văn T.

Tòa án đã tiến hành triệu tập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh T để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Đèo Văn T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, kết quả xác minh tình trạng hôn nhân hai vợ chồng và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng giữa chị Y và anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không thể hòa hợp được, vợ chồng không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Quàng Thị Y.

Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị Y và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Quàng Thị Y ly hôn với anh Đèo Văn T.

[3] Về con chung: Chị Quàng Thị Y và anh Đèo Văn T có 02 con chung là cháu Đèo Văn B, sinh ngày 16/10/2010 và cháu Đèo Thanh T, sinh ngày 10/5/2012. Hiện tại hai cháu đang ở với anh Đèo Văn T.

Chị Quàng Thị Y đề nghị giao hai cháu Đèo Thanh T, sinh ngày 10/5/2012 và cháu Đèo Văn B, sinh ngày 16/10/2010 cho anh Đèo Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Quàng Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của cháu Đèo Văn B và cháu Đèo Thanh T đều có nguyện vọng muốn ở với anh Đèo Văn T.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn, kết quả xác minh thể hiện con chung đang ở với anh T tại bản DC, xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La, anh T đủ điều kiện về chỗ ở, thu nhập để nuôi con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung của vợ chồng, cần giao cháu Đèo Thanh T, sinh ngày 10/5/2012 và cháu Đèo Văn B, sinh ngày 16/10/2010 cho anh Đèo Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không ai yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Quàng Thị Y xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Quàng Thị Y là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện - kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Do đó, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Quàng Thị Y. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quàng Thị Y được ly hôn với anh Đèo Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đèo Văn B, sinh ngày 16/10/2010 và cháu Đèo Thanh T, sinh ngày 10/5/2012 cho anh Đèo Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Quàng Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không có người yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (chị Y) có quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị Y thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Quàng Thị Y xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh Đèo Văn T không có ý kiến. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Quàng Thị Y.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã CP, H. TC;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Thịnh